

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 95a/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27/7/2023

“V/v tranh chấp HNGĐ – Xin ly
hôn, nuôi con và chia tài sản,”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Phước Tâm

Bà Võ Thị Diệp

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Kim Xoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đ.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 222/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/4/2023, về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 251/2023/QĐXX-ST ngày 05 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Tổ 15, ấp A, xã A, huyện Ch, tỉnh Đ.

Bị đơn: Anh Huỳnh Quốc N, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Đ.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng T trình bày:

- Về hôn nhân: Vào năm 2002, chị T và anh N có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Đ theo số 1373 ngày 31/12/2002. Sau thời gian chung nây sinh nhiều mâu Tẫn bất đồng ý kiến, nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn phúc. Nay, chị T yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Quốc N.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Quốc Duy, sinh ngày 29/12/2002 và Huỳnh Anh Thư, sinh ngày 02/10/2004. Hiện 02 con chung đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo văn bản ý kiến đề ngày 01/6/2023, chị T có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Quốc N.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Quốc D, sinh ngày: 29/12/2002 và Huỳnh Anh T, sinh ngày: 02/10/2004. Hiện 02 con chung đang sống với chị T. Hiện các con chung đã trưởng thành nên chị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn là anh Huỳnh Quốc N đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh N không tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa xét xử và cũng không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

- Giấy CMND + sổ hộ khẩu (photo);
- Giấy trích lục kết hôn (Bản sao).
- Giấy khai sinh tên Huỳnh Quốc D và Huỳnh Anh T (Bản sao).
- Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đưa vụ án ra xét xử đề ngày 01/6/2023 (bản chính);
- Đơn xin xét xử vắng mặt ký tên Nguyễn Thị Mộng T (bản chính);
- Văn bản trình bày ý kiến đề ngày 01/6/2023 (bản chính);
- Đơn xin xác nhận nơi cư trú đề ngày 25/4/2023 (bản chính);

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Anh Huỳnh Quốc N, sinh năm 1981; Địa chỉ: ấp Bình Mỹ B, xã B, huyện C, tỉnh Đ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết Tộc Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đ.

- Về hôn nhân: Xét thấy chị T và anh N có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Đ theo số 1373 ngày 31/12/2002. Sau thời gian chung nẫy sinh nhiều mâu Tẫn bất đồng ý kiến, nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn phúc. Sau thời gian chung nẫy sinh nhiều mâu Tẫn bất đồng ý kiến, nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Nay, chị T yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Quốc N.

Xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh N là hợp pháp, chị T yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ, bởi vì: mâu Tẫn giữa chị T và anh N đã trầm trọng, không ai quan tâm nhau. Trong thời gian sống xa nhau, chị T có ý hằn gấn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Quốc N, xét thấy là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Quốc D, sinh ngày: 29/12/2002 và Huỳnh Anh T, sinh ngày: 02/10/2004. Hiện 02 con chung đang sống với chị T. Hiện các con chung đã trưởng thành nên chị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Hội đồng xét xử nhận thấy: Con chung tên Huỳnh Quốc D, sinh ngày: 29/12/2002 và Huỳnh Anh T, sinh ngày: 02/10/2004 đang sống với chị T. Tuy nhiên, hiện con chung tên Huỳnh Quốc D, sinh ngày 29/12/2002 và Huỳnh Anh T, sinh ngày 02/10/2004 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do chị T không có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí: Chị Nguyễn Thị Mộng T chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

** Căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 35, 39, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mộng T.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mộng T được ly hôn với anh Huỳnh Quốc N.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Quốc D, sinh ngày: 29/12/2002 và Huỳnh Anh T, sinh ngày: 02/10/2004. Hiện các con chung đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mộng T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai T tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000417 ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị T đã nộp tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm xong.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án tỉnh.
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Trung Dũng